NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 Triệu đồng	2024 Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt	**512.037**	**522.471**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**13.084.713**	**14.106.879**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	**45.823.043**	**43.295.749**
Tiền gửi tại các TCTD khác	44.241.543	41.890.749
Cho vay các TCTD khác	1.581.500	1.405.000
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**3.328**	**84**
Cho vay khách hàng	**74.600.661**	**68.884.120**
Cho vay khách hàng	75.412.171	69.652.771
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(811.510)	(768.651)
Chứng khoán đầu tư	**4.746.514**	**7.504.879**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	2.850.624	6.173.230
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.895.890	1.331.649
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	-
Tài sản cố định	**128.812**	**125.681**
Tài sản cố định hữu hình	77.277	98.431
Nguyên giá tài sản cố định	265.450	296.194
Hao mòn tài sản cố định	(188.173)	(197.763)
Tài sản cố định vô hình	51.535	27.250
Nguyên giá tài sản cố định	90.270	53.986
Hao mòn tài sản cố định	(38.735)	(26.736)
Tài sản Có khác	**1.956.817**	**1.994.387**
Các khoản phải thu	1.152.131	1.262.687
Các khoản lãi, phí phải thu	623.113	498.519
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	30.402	26.287
Tài sản Có khác	151.171	208.165
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	(1.271)
TỔNG TÀI SẢN CÓ	**140.855.925**	**136.434.250**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	**975.657**	**828.673**
Tiền gửi của các TCTD khác	975.657	823.326
Vay các TCTD khác	-	5.347
Tiền gửi của khách hàng	**117.778.544**	**114.139.386**
Các khoản nợ khác	**2.186.841**	**2.055.808**
Các khoản lãi, phí phải trả	188.631	90.972
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.998.210	1.964.836
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**120.941.042**	**117.023.867**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**19.914.883**	**19.410.383**
Vốn của TCTD	7.528.000	7.528.000
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Quỹ của TCTD	5.628.192	5.001.097
Lợi nhuận chưa phân phối	6.758.691	6.881.286
Lợi nhuận năm nay	2.673.404	2.833.113
Lợi nhuận lũy kế năm trước	4.085.287	4.048.173
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**140.855.925**	**136.434.250**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảo lãnh vay vốn	3.345.308	-
Cam kết giao dịch hối đoái	42.140.310	37.486.869
Cam kết mua ngoại tệ	8.744.858	6.660.847
Cam kết bán ngoại tệ	8.751.891	6.672.772
Cam kết giao dịch hoán đổi	24.643.561	24.153.250
Cam kết cho vay không hủy ngang	6.023.586	2.464.164
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.245.778	2.400.136
Bảo lãnh khác	9.867.320	5.725.153
Các cam kết khác	7.297.716	11.607.861
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	67.245	50.129
Nợ khó đòi đã xử lý	1.145.388	999.279

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 Triệu đồng	2024 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.662.327	6.858.849
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(712.568)	(615.544)
Thu nhập lãi thuần	**5.949.759**	**6.243.305**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.438.535	1.425.316
Chi phí hoạt động dịch vụ	(585.524)	(528.035)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**853.011**	**897.281**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**1.316.389**	**1.010.546**
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**(1.719)**	**4.888**
Thu nhập từ hoạt động khác	303.500	303.108
Chi phí từ hoạt động khác	(47.213)	(67.410)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**256.287**	**235.698**
Chi phí hoạt động	**(3.989.070)**	**(3.593.130)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**4.384.657**	**4.798.588**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**(243.129)**	**(348.322)**
Tổng lợi nhuận trước thuế	**4.141.528**	**4.450.266**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(845.144)	(919.601)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.115	10.726
Chi phí thuế TNDN	**(841.029)**	**(908.875)**
Lợi nhuận sau thuế	**3.300.499**	**3.541.391**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 Triệu đồng	2024 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	6.554.526	7.032.004
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(614.909)	(744.774)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	849.847	915.126
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	1.314.670	1.013.349
Thu nhập khác	260.433	112.041
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	40.982	42.627
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.912.884)	(3.373.136)
Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	(694.023)	(986.646)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG	**3.798.642**	**4.010.591**
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(176.500)	(250.000)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	2.758.365	(720.423)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(3.244)	(84)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(5.759.400)	(3.140.019)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(201.541)	(292.839)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	82.331	(534.210)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	146.984	(941.062)
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	3.639.158	(21.738.001)
Giảm phát hành giấy tờ có giá	-	(3.000.000)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(9.762)
Giảm khác về công nợ hoạt động	(113.132)	(209.064)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	**4.171.663**	**(26.824.873)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")	(57.767)	(61.782)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	297	89
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**(57.470)**	**(61.693)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lợi nhuận đã chia	(2.795.999)	(5.297.225)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**(2.795.999)**	**(5.297.225)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**1.318.194**	**(32.183.791)**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	**56.520.099**	**88.703.890**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**57.838.293**	**56.520.099**

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.528.000	1.464.734	2.828.085	7.122.119	**18.942.938**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.541.391	**3.541.391**
Chia lợi nhuận (*)	-	-	-	(3.073.946)	**(3.073.946)**
Trích lập các quỹ	-	354.139	354.139	(708.278)	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.528.000	1.818.873	3.182.224	6.881.286	**19.410.383**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.300.499	**3.300.499**
Chia lợi nhuận (**)	-	-	-	(2.795.999)	**(2.795.999)**
Trích lập các quỹ	-	330.050	297.045	(627.095)	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7.528.000	2.148.923	3.479.269	6.758.691	**19.914.883**

(*) Hội Đồng Thành Viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận được chia năm 2023 vào ngày 5 tháng 9 năm 2024. Theo đó, số lợi nhuận được chia là 3.073.946 triệu đồng, được chuyển về Ngân hàng mẹ vào ngày 27 tháng 9 năm 2024.
(**) Hội Đồng Thành Viên của Ngân hàng đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận được chia năm 2024 vào ngày 4 tháng 12 năm 2025. Theo đó, số lợi nhuận được chia là 2.795.999 triệu đồng, được chuyển về Ngân hàng mẹ vào ngày 24 tháng 12 năm 2025.

TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	2025 Triệu đồng	2024 Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	**1.400**	**1.405**
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương	946.168	893.893
Lương bổ sung	254.208	229.312
Thu nhập khác	94.911	91.417
	1.295.287	1.214.622
Tiền lương bình quân/ người/ năm	676	636
Thu nhập bình quân/ người/ năm	925	864

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	31.12.2025 Triệu đồng, %	31.12.2024 Triệu đồng, %
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	140.855.925	136.434.250
Nợ quá hạn	818.594	843.333
Nợ xấu	495.107	514.014
Tỷ lệ an toàn vốn	16,99%	18,45%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	65,66%	63,73%
Số dư nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0,00%	0,00%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ (i)	0,69%	0,76%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ (i)	0,42%	0,46%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	30,54%	35,69%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (ii)	-5,95%	-3,16%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- Bằng đồng Việt Nam	170,80%	240,53%
- Bằng ngoại tệ	827,91%	770,66%
Hệ số sử dụng vốn (ROE) (iii)	16,79%	18,47%

	2025 Triệu đồng	2024 Triệu đồng
Doanh số huy động tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá	5.027.780.550	4.804.489.404
Doanh số cho vay	185.301.978	191.867.929
Doanh số thu nợ	179.641.586	188.916.960

(i) Tổng dư nợ bao gồm số dư cho vay khách hàng, cho vay các TCTD khác, số dư tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của Thông tư 31/2024/TT-NHNN) và các khoản phải thu từ hoạt động mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành/xác nhận.
(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn nhỏ hơn số dư Tổng nguồn vốn trung và dài hạn, hoàn toàn tuân thủ theo quy định của NHNN.
(iii) Hệ số sử dụng vốn được tính bằng lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng chia cho vốn chủ sở hữu bình quân của Ngân hàng.

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê chuẩn ngày 19 tháng 3 năm 2026.

Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

Timothy Mark Redvers Evans
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT GỬI CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê duyệt vào ngày 19 tháng 3 năm 2026, từ trang 3 đến trang 11, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên và Các chỉ tiêu tài chính cơ bản được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính đầy đủ này và Báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh trong Báo cáo tài chính đầy đủ cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Do đó, việc đọc Báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc Báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tóm tắt
Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tóm tắt theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo – được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng đã được kiểm toán – phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, theo các quy định pháp lý về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM17731
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026